

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **31/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 14/5/2025

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Viết Ân**

2. Bà **Vũ Thị Thuỳ Dương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Sỹ Khánh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai: không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/2025/TLST- HNGĐ ngày 11/3/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/4/2025 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Anh **Trần Quốc L**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Chị **Phùng Ngọc M**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn anh Trần Quốc L trình bày:*

Anh và chị Phùng Ngọc M trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, thương yêu nhau trong một thời gian, đến năm 2022 thì tiến tới hôn nhân với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 12/4/2022. Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc ngay từ những ngày đầu, mặc dù anh chị đã cùng nhau hàn gắn nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh L trình bày: do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Nay do cuộc sống hôn nhân của anh và chị M không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị M.

Quá trình chung sống anh chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các lời khai trong hồ sơ thể hiện bị đơn chị Phùng Thị M1 trình bày:*

Chị thống nhất với toàn bộ lời khai của anh L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh L đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai. Chị xác định hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay anh L yêu cầu được ly hôn với chị thì chị đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: anh Trần Quốc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Phùng Ngọc M nên đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Phùng Ngọc M có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: anh Trần Quốc L và chị Phùng Ngọc M có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Quốc L và chị Phùng Ngọc M đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào năm 2022, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55/2022 ngày 12/4/2022 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L nhận thấy:

Theo trình bày của anh L thì thấy cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị M. Bản thân chị M cũng thừa nhận cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên chị đồng ý ly hôn với anh L. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị M.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh L và chị M xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh L phải nộp án phí sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật HN và GD năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quốc L.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho anh Trần Quốc L được ly hôn với chị Phùng Ngọc M.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: anh Trần Quốc L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0013026 ngày 11/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ). Anh L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Xuân Đông;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên